

# Q & A

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY  
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

# MỤC LỤC

01

DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ  
THÀNH LẬP CÔNG TY

02

VỐN ĐẦU TƯ

03

THUẾ

04

LAO ĐỘNG

# 01

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**VÀ THÀNH LẬP CÔNG TY**

# 01.

## **01. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có được thành lập công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hay không?**

Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể thành lập công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để hoạt động kinh doanh ngành nghề như sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp,... Tuy nhiên, trong trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài hoạt động trong lĩnh vực mà pháp luật yêu cầu phải liên doanh với Nhà Đầu Tư Việt Nam thì Nhà Đầu Tư Nước Ngoài bị giới hạn tỷ lệ góp vốn trong Công Ty Vốn Nước Ngoài. Tùy theo ngành nghề mà giới hạn về vốn này có thể thay đổi, ví dụ đối với ngành nghề quảng cáo thì giới hạn sở hữu là 99,99%, đối với ngành nghề vận tải đường biển thì giới hạn sở hữu là 49%. Trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài có nhiều ngành nghề, giới hạn tỷ lệ góp vốn của ngành nghề thấp nhất sẽ được áp dụng đối với Nhà Đầu Tư Nước Ngoài.

## **02. Loại hình doanh nghiệp mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể lựa chọn?**

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể lựa chọn thành lập bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào như doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Tuy nhiên, do những ưu điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài thường lựa chọn hai loại hình doanh nghiệp này.

## **03. Ngành nghề kinh doanh mà Công Ty Vốn Nước Ngoài được phép hoạt động?**

Các Công Ty Vốn Nước Ngoài được phép hoạt động hầu hết ngành nghề không cấm đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, đối với những ngành nghề mà Việt Nam chưa cam kết mở cửa thị trường hoặc cho phép Nhà Đầu Tư Nước Ngoài đầu tư kinh doanh như dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị; dịch vụ cho thuê lại lao động ..., cơ quan cấp phép sẽ hỏi ý kiến của các Bộ ngành có liên quan để xin ý kiến chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể, nếu các Bộ chấp thuận thì cơ quan cấp phép mới cấp giấy phép/giấy chứng nhận cho phép Công Ty Vốn Nước Ngoài hoạt động.

### **04. Công Ty Vốn Nước Ngoài phải có Người đại diện theo pháp luật hoặc Giám đốc là người Việt Nam hay không?**

Công Ty Vốn Nước Ngoài không cần phải có Người đại diện theo pháp luật hay Giám đốc là người Việt Nam. Nhưng cần phải lưu ý rằng, Công Ty Vốn Nước Ngoài phải có ít nhất một Người đại diện theo pháp luật cư trú ở Việt Nam (có thể là người nước ngoài). Trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

### **05. Các giấy phép mà Công Ty Vốn Nước Ngoài cần phải có để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam?**

Trừ trường hợp Nhà Đầu Tư Nước Ngoài góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp của một Công Ty Việt Nam đã tồn tại và hoạt động trước đó, Công Ty Vốn Nước Ngoài thông thường phải có đủ hai giấy phép cơ bản là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp. Tùy theo ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công Ty Vốn Nước Ngoài phải xin cấp thêm một hoặc một vài giấy phép khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ví dụ như trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài hoạt động Sàn giao dịch thương mại điện tử, Công Ty Vốn Nước Ngoài phải xin cấp thêm Giấy Phép Kinh Doanh do Sở Công Thương cấp và đăng ký website/app di động hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử tại Bộ Công Thương. Xin lưu ý rằng, nhiều giấy phép/giấy chứng nhận chỉ áp dụng riêng cho Công Ty Vốn Nước Ngoài mà không áp dụng cho Công Ty Việt Nam (theo ví dụ trên thì Công Ty Việt Nam không cần phải xin cấp Giấy Phép Kinh Doanh do Sở Công Thương cấp mà chỉ phải đăng ký website/app di động hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử).

### **06. Thời gian thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài là bao lâu?**

Trong trường hợp thành lập công ty hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực được Việt Nam mở cửa thị trường và Nhà Đầu Tư Nước Ngoài đáp ứng đầy đủ các điều kiện luật định, thời gian thành lập một Công Ty Vốn Nước Ngoài thông thường là 18 ngày làm việc (không bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ cho cơ quan cấp phép. Tuy nhiên, trường hợp thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực được Việt Nam mở cửa thị trường nhưng Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không đáp ứng được điều kiện hoặc ngành nghề đầu tư kinh doanh chưa được Việt Nam mở cửa thị trường, thời gian thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài có thể kéo dài khoảng 30 tới 45 ngày làm việc.

### **07. Địa chỉ hoạt động của Công Ty Vốn Nước Ngoài cần lưu ý điều gì?**

Các Công Ty Việt Nam được đăng ký thành lập công ty theo thông tin tự kê khai và chịu trách nhiệm, cơ quan cấp giấy phép không yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh được quyền sử dụng/sở hữu đối với địa chỉ trụ sở của Công Ty Việt Nam (trừ trường hợp cơ quan cấp phép cho rằng địa chỉ này là chung cư hoặc địa điểm không được phép hoạt động kinh doanh). Điều này có sự khác biệt so với các Công Ty Vốn Nước Ngoài, họ phải chứng minh địa chỉ hoạt động của Công Ty Vốn Nước Ngoài được thuê lại/sở hữu một cách hợp pháp và phù hợp với ngành nghề đầu tư kinh doanh, cơ quan cấp phép có thể hỏi ý kiến của một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sử dụng địa điểm này để thành lập công ty. Ví dụ như Công Ty Vốn Nước Ngoài đầu tư kinh doanh nhà hàng ăn uống, cơ quan cấp giấy phép sẽ hỏi ý kiến của UBND quận/huyện nơi Công Ty Vốn Nước Ngoài đặt trụ sở để xin ý kiến chấp thuận trước khi cấp giấy phép/giấy chứng nhận.

## 08. Các loại báo cáo dự án đầu tư cần phải thực hiện và thời hạn báo cáo?

Công Ty Vốn Nước Ngoài thực hiện dự án đầu tư có nghĩa vụ báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư phải nộp các loại báo cáo theo bảng dưới đây cho Cơ quan đăng ký đầu tư và Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê tại địa phương, việc báo cáo được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

STT	Loại báo cáo	Nội dung báo cáo	Thời hạn
1	Báo cáo tháng	Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong trường hợp dự án đầu tư có phát sinh vốn đầu tư thực hiện trong tháng.	12 ngày kể từ ngày kết thúc tháng báo cáo.
2	Báo cáo quý	Vốn đầu tư thực hiện, doanh thu thuần, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, thuế và các khoản nộp ngân sách, tình hình sử dụng đất, mặt nước.	Trước ngày 10 của tháng đầu quý sau quý báo cáo.
3	Báo cáo năm	Các chỉ tiêu của báo cáo quý và chỉ tiêu về lợi nhuận, thu nhập của người lao động, các khoản chi và đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xử lý và bảo vệ môi trường, nguồn gốc công nghệ sử dụng.	Trước ngày 31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo.

020

**VỐN ĐẦU TƯ**





### **01 . Sự khác biệt giữa vốn điều lệ và vốn đầu tư dự án?**

Vốn điều lệ công ty (được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) được hiểu là tổng giá trị tài sản do các thành viên hoặc cổ đông đã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định khi thành lập công ty và được ghi vào điều lệ công ty. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, thời hạn góp vốn điều lệ tối đa là 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Vốn đầu tư dự án (được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) được hiểu là tổng các nguồn vốn góp vào một dự án đầu tư để thực hiện dự án đó, có thể bao gồm vốn góp, vốn vay và vốn huy động...

**Một trong những thắc mắc là vốn góp thực hiện dự án có phải là vốn điều lệ của công ty hay không?**

Khi Nhà Đầu Tư Nước Ngoài thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài thông qua dự án đầu tư đầu tiên thì vốn góp thực hiện dự án của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài sẽ bằng với vốn điều lệ của công ty. Như vậy, có thể hiểu thông thường vốn điều lệ của công ty cũng đồng thời là vốn góp để thực hiện dự án đầu tư. Tuy nhiên, trong trường hợp thiết lập thêm một dự án đầu tư mới tách biệt với dự án đầu tư ban đầu, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài cũng có thể tăng vốn điều lệ của công ty lên để thực hiện dự án đầu tư mới mà không tăng số vốn góp thực hiện dự án trong dự án đầu tư đã triển khai trước đó.

### 02. Mức vốn điều lệ tối thiểu để thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài là bao nhiêu?

Hiện tại, không có quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu bắt buộc Nhà Đầu Tư Nước Ngoài phải góp vào khi thành lập Công Ty Vốn Nước Ngoài cũng như không quy định mức vốn điều lệ tối đa, trừ các ngành nghề kinh doanh phải đáp ứng điều kiện về vốn pháp định như, bán hàng đa cấp là 10 tỷ VNĐ, lữ hành quốc tế là 500 triệu VNĐ, ... thì vốn điều lệ tối thiểu phải bằng với mức vốn pháp định yêu cầu.

Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng pháp luật, tùy từng lĩnh vực và dự án mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài đầu tư tại Việt Nam, cơ quan cấp phép sẽ xem xét điều kiện về năng lực tài chính để chấp thuận cho phép Nhà Đầu Tư Nước Ngoài hoạt động kinh doanh hay không. Ngoài ra, phụ thuộc vào chiến lược kinh doanh, đối tượng khách hàng mục tiêu và đối tác mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài xác định mức vốn điều lệ góp phù hợp với hoạt động của công ty sau khi thành lập.

### 03. Tài sản có thể dùng để góp vốn là gì?

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì tài sản góp vốn bao gồm các tài sản như sau:

- Đồng Việt Nam;
- Ngoại tệ có thể chuyển đổi;
- Vàng;
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ);
- Công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể đánh giá được giá trị bằng Đồng Việt Nam.

#### 04. Thời hạn góp vốn điều lệ là bao lâu?

Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài dự kiến thành lập tại Việt Nam mà thời hạn góp vốn điều lệ khác nhau như sau:

- Đối với loại hình Công ty TNHH: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thành viên góp vốn trong Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc chủ sở hữu trong Công ty TNHH một thành viên có nghĩa vụ góp vốn đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết. Sau khi các thành viên trong Công ty TNHH hai thành viên trở lên góp đủ vốn đã cam kết, Công Ty phải cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.

- Đối với loại hình Công ty Cổ phần: Cổ đông trong Công ty Cổ phần có nghĩa vụ thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc các cổ đông thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần đã đăng ký mua.

**Lưu ý:** Thời hạn góp vốn của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài thường được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án thành lập mới, thời hạn này thông thường đúng bằng thời hạn góp vốn điều lệ là 90 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty Vốn Nước Ngoài như nêu trên.

## 05. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể góp vốn bằng tiền như thế nào?

Khi góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ do chuyển đổi vào Công Ty Vốn Nước Ngoài, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài bắt buộc phải chuyển khoản thông qua tài khoản vốn đầu tư được mở tại ngân hàng thương mại. Tài khoản vốn đầu tư có thể là Tài Khoản Vốn Đầu Tư Trực Tiếp hoặc Tài Khoản Vốn Đầu Tư Gián Tiếp tùy thuộc vào tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài trong Công Ty Vốn Nước Ngoài. Cụ thể như sau:

- Trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp: Việc góp vốn thông qua tài khoản vốn trực tiếp có thể được thực hiện bằng ngoại tệ, Đồng Việt Nam và mức vốn góp của Nhà Đầu Tư căn cứ theo các tài liệu chứng minh quyền góp vốn của nhà đầu tư như: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp... Đối với mỗi loại tiền góp vốn (Đồng Việt Nam, ngoại tệ), Công Ty Vốn Nước Ngoài sẽ phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp cho loại tiền tệ tương ứng và chỉ được mở một tài khoản vốn đầu tư trực tiếp cho một loại tiền tệ tại ngân hàng được phép, trừ trường hợp Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tham gia nhiều hợp đồng BCC hoặc trực tiếp thực hiện nhiều dự án PPP thì phải mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp riêng biệt tương ứng với mỗi hợp đồng BCC, dự án PPP.

- Trường hợp Nhà Đầu Tư Nước Ngoài mở Tài Khoản Vốn Đầu Tư Gián Tiếp: Mọi hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tại Việt Nam phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và thông qua tài khoản vốn đầu tư gián tiếp. Các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài phải được thực hiện thông qua 01 (một) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp duy nhất mở tại ngân hàng được phép.

## 06. Trường hợp nào Công Ty Vốn Nước Ngoài phải mở Tài Khoản Vốn Đầu Tư Trực Tiếp?

Công Ty Vốn Nước Ngoài phải thực hiện mở Tài Khoản Vốn Đầu Tư Trực Tiếp trong các trường hợp sau đây:

- Được thành lập theo hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, trong đó có Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là thành viên hoặc cổ đông và phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Có Nhà Đầu Tư Nước Ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào Công Ty (hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc không có điều kiện áp dụng đối với Nhà Đầu Tư Nước Ngoài) dẫn đến Nhà Đầu Tư Nước Ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của Công Ty nhưng không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- Được thành lập sau khi chia tách, sáp nhập, hợp nhất dẫn đến Nhà Đầu Tư Nước Ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của Công Ty và không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Được thành lập mới theo quy định của pháp luật chuyên ngành có Nhà Đầu Tư Nước Ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của Công Ty không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Trong trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài và các Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến giao dịch vốn được thực hiện qua Tài Khoản Vốn Đầu Tư Trực Tiếp, các Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể sẽ gặp khó khăn trong việc chuyển lợi nhuận về nước và có thể bị xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với các Công Ty Vốn Nước Ngoài không thuộc trường hợp phải mở Tài Khoản Vốn Đầu Tư Trực Tiếp, nhà đầu tư nước ngoài sẽ mở Tài Khoản Vốn Đầu Tư Gián Tiếp để thực hiện các giao dịch vốn.

OFF

**THUẾ**

## 01. Có sự khác biệt về nghĩa vụ thuế giữa Công Ty Vốn Nước Ngoài và Công Ty Việt Nam hay không?

Công Ty Vốn Nước Ngoài và Công Ty Việt Nam đều là doanh nghiệp được đăng ký thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Do đó, cả Công Ty Vốn Nước Ngoài và Công Ty Việt Nam đều phải thực hiện đầy đủ và chính xác các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật, không có sự khác biệt về nghĩa vụ thuế giữa các Công Ty. Tuy nhiên, báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty Vốn Nước Ngoài phải được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập được phép hoạt động ở Việt Nam.

## 02. Các nghĩa vụ thuế cơ bản mà Công Ty Vốn Nước Ngoài cần thực hiện là gì?

Công Ty Vốn Nước Ngoài có nghĩa vụ thực hiện đối với các loại thuế cơ bản như Lệ phí Môn bài, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Giá trị gia tăng. Cụ thể:

- Đối với Lệ phí Môn bài, mức đóng của Công Ty Vốn Nước Ngoài có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10.000.000.000 VNĐ là 3.000.000 VNĐ/năm; mức đóng của Công Ty Vốn Nước Ngoài có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10.000.000.000 VNĐ trở xuống là 2.000.000 VNĐ/năm.
- Đối với Thuế Thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất là 20%. Trường hợp hoạt động trong lĩnh vực hoặc địa bàn được hưởng ưu đãi, Công Ty Vốn Nước Ngoài sẽ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn.
- Đối với Thuế Giá trị gia tăng, Công Ty Vốn Nước Ngoài kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thông thường sẽ đóng thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất 10%. Một số loại hàng hóa, dịch vụ đặc biệt có thể được áp dụng mức thuế suất thấp hơn là 5% hoặc 0%.

Ngoài ra, đối với các hoạt động kinh doanh đặc thù, Công Ty Vốn Nước Ngoài có thể phải chịu Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, ...

Trong trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài chi trả tiền lương cho Người Lao Động thì có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế Thu nhập cá nhân thay cho Người Lao Động theo tháng, theo quý hoặc theo từng lần phát sinh.

### 03. Các loại báo cáo thuế cần phải nộp và thời hạn nộp?

STT	Tờ khai	Hạn nộp			
		Báo Cáo	Theo tháng	Theo quý	Theo năm
1	Thuế Môn bài				30/01
2	Thuế Giá trị gia tăng	Ngày 20 tháng tiếp theo. Áp dụng cho Công Ty có doanh thu năm liền trước trên 50 tỷ đồng.	Ngày 30 hoặc 31 tháng đầu quý sau. Áp dụng cho Công Ty có doanh thu năm liền trước từ 50 tỷ đồng trở xuống và Công Ty mới thành lập.		
3	Thuế Thu nhập cá nhân	Ngày 20 tháng sau. Áp dụng cho Công Ty trả thu nhập phát sinh số thuế TNCN khấu trừ trong tháng từ 50 triệu đồng trở lên.	Ngày 30 hoặc 31 tháng đầu quý sau. Áp dụng cho Công Ty không thuộc trường hợp báo cáo theo tháng.	Quyết toán thuế chậm nhất vào ngày cuối cùng tháng thứ 4 kể từ lúc kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ cá nhân trực tiếp quyết toán thuế.  Trường hợp, người lao động ủy quyền cho Công Ty quyết toán thuế TNCN thì hạn chót là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.	

4	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		Tạm tính và nộp thuế TNDN trong Quý.	Quyết toán thuế chậm nhất vào ngày cuối cùng tháng thứ 3 kể từ lúc kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính.
5	Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn	Ngày 20 tháng sau. Áp dụng đối với Công Ty sử dụng hóa đơn tự in, đặt in có hành vi vi phạm không được sử dụng hóa đơn tự in, đặt in, Công Ty thuộc loại rủi ro cao về thuế thuộc diện mua hóa đơn của cơ quan thuế.	Ngày 30 tháng đầu quý sau. Áp dụng với Công Ty bán hàng hóa, dịch vụ (trừ đối tượng được cơ quan thuế cấp hóa đơn và đối tượng báo cáo theo tháng).	
6	Báo cáo tài chính			Thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



#### **04. Công Ty Vốn Nước Ngoài được hưởng ưu đãi thuế không? Được hưởng những ưu đãi thuế nào?**

Nhằm thu hút Nhà Đầu Tư Nước Ngoài đầu tư vào Việt Nam, các chính sách ưu đãi đầu tư nói chung và ưu đãi thuế nói riêng không ngừng được cập nhật qua từng giai đoạn, tạo thuận lợi cho Nhà Đầu Tư Nước Ngoài với nhiều mảng đầu tư khác nhau. Các loại thuế áp dụng ưu đãi như thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, và một số loại thuế khác. Cụ thể:

Ưu đãi thuế TNDN : Công Ty, bao gồm cả Công Ty Vốn Nước Ngoài và Công Ty Việt Nam, đáp ứng các điều kiện được áp dụng ưu đãi thuế TNDN sẽ được hưởng mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất thông thường, có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Ví dụ:

- Thuế suất ưu đãi 10% : Áp dụng trong vòng 15 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, đối với các Công Ty thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, Công Ty thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước, sản xuất sản phẩm phần mềm... hoặc áp dụng trong suốt thời gian hoạt động đối với Công Ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường...
- Miễn thuế TNDN : Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với TNDN từ thực hiện dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế 10% trong 15 năm nêu trên.

Tuy nhiên, để Công Ty Vốn Nước Ngoài được hưởng ưu đãi thuế thì phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về đăng ký đầu tư, đăng ký thuế, ... theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, các Công Ty Vốn Nước Ngoài còn được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư. Đồng thời, miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

## 05. Điều kiện để được áp dụng ưu đãi thuế?

Để được hưởng ưu đãi, Công Ty Vốn Nước Ngoài phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể là thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam thuộc các ngành nghề ưu đãi đầu tư, tại địa bàn ưu đãi đầu tư; Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu; Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên theo quy định của pháp luật về lao động (không bao gồm lao động làm việc không trọn thời gian và lao động có hợp đồng lao động dưới 12 tháng); Dự án đầu tư sử dụng từ 30% số lao động thường xuyên bình quân hằng năm trở lên là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật và pháp luật về lao động; Công Ty công nghệ cao, Công Ty khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển,...

Ngoài ra, khi đáp ứng đủ các điều kiện được hưởng thuế ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, căn cứ văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có), quy định khác của pháp luật có liên quan, Công Ty Vốn Nước Ngoài xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư. Ví dụ:

Đối với dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, Công Ty Vốn Nước Ngoài căn cứ nội dung ưu đãi đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư để hưởng ưu đãi đầu tư. Căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư đối với Công Ty khoa học và công nghệ là Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đối với doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao là Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án công nghiệp hỗ trợ là Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; đối với dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao là Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với dự án mà Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không thuộc trường hợp nêu trên, Công Ty Vốn Nước Ngoài tự căn cứ đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư để tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại Cơ quan áp dụng ưu đãi đầu tư.

## 06. Khi chuyển nhượng vốn/cổ phần, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có các nghĩa vụ nộp thuế gì không?

Khi chuyển nhượng vốn/cổ phần, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là tổ chức hoặc cá nhân sẽ phải thực hiện các nghĩa vụ thuế khác nhau:

### - Thuế TNDN:

Đối với Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là tổ chức có nghĩa vụ nộp thuế nhà thầu đối với thu nhập phát sinh từ việc chuyển nhượng vốn/cổ phần trong Công Ty Vốn Nước Ngoài, thuế suất áp dụng là 20%, cách tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = (\text{Giá chuyển nhượng} - \text{Giá mua của phần} - \text{Chi phí chuyển nhượng}) \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Lưu ý: Nếu hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định giá chuyển nhượng không phù hợp theo giá thị trường, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và ấn định giá chuyển nhượng. Căn cứ ấn định giá chuyển nhượng dựa vào tài liệu điều tra của cơ quan thuế hoặc căn cứ giá chuyển nhượng vốn của các trường hợp khác ở cùng thời gian, cùng tổ chức kinh tế hoặc các hợp đồng chuyển nhượng tương tự tại thời điểm chuyển nhượng.

Thời hạn kê khai thuế TNDN : Nhà Đầu Tư Nước Ngoài thực hiện khai thuế theo từng lần phát sinh. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay Nhà Đầu Tư Nước Ngoài số thuế TNDN phải nộp. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng vốn cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì Công Ty Vốn Nước Ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của Nhà Đầu Tư Nước Ngoài.

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chuẩn y việc chuyển nhượng vốn, hoặc ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày các bên thỏa thuận chuyển nhượng vốn tại hợp đồng chuyển nhượng vốn đối với trường hợp không phải chuẩn y việc chuyển nhượng vốn.

### - Thuế TNCN:

Đối với Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân, khi thực hiện chuyển nhượng vốn/cổ phần trong Công Ty Vốn Nước Ngoài phải nộp thuế thu nhập cá nhân, cụ thể:

**(i) Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH:**

Nếu Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân cư trú thì thuế suất áp dụng là 20%, cách tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp chuyển nhượng} = (\text{Giá chuyển nhượng} - \text{Giá mua của phần vốn} - \text{Chi phí chuyển nhượng}) \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Nếu Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân không cư trú thì cách tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp nào} = \text{Giá chuyển nhượng vốn (không trừ bất kỳ khoản chi phí nào)} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

Lưu ý: Nếu hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá thanh toán trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Thời hạn kê khai thuế TNCN : Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân cư trú chuyển nhượng vốn góp khai thuế theo từng lần chuyển nhượng không phân biệt có hay không phát sinh thu nhập. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân không cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp tại Việt Nam không phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế mà tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng thực hiện khấu trừ thuế và khai thuế. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày hợp đồng chuyển nhượng vốn góp có hiệu lực.

Ngoài ra, Công Ty Vốn Đầu Tư Nước Ngoài làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn trong trường hợp chuyển nhượng vốn mà không có chứng từ chứng minh Nhà Đầu Tư Nước Ngoài chuyển nhượng vốn đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì Công Ty Vốn Đầu Tư Nước Ngoài có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho Nhà Đầu Tư Nước Ngoài này.

**(ii) Trường hợp chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần/ cổ phiếu theo luật chứng khoán, gọi chung là chuyển nhượng chứng khoán:**

Nếu Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân cư trú thì thuế suất áp dụng là 0,1%, cách tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp Thuế suất 0,1\%} = \text{Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần} \times$$

Nếu Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân không cư trú thì cách tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TNCN phải nộp phí nào} = \text{Giá chuyển nhượng vốn (không trừ bất kỳ khoản chi phí nào)} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

Thời hạn kê khai thuế TNCN : Nhà Đầu Tư Nước Ngoài chuyển nhượng chứng khoán khai thuế theo từng lần phát sinh. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế là ngày thứ 10 (mười) kể từ ngày hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp Công Ty Vốn Nước Ngoài nộp thuế thay cho cá nhân thì thời điểm nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là trước khi làm thủ tục thay đổi danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công Ty Vốn Đầu Tư Nước Ngoài thực hiện thủ tục thay đổi danh sách cổ đông trong trường hợp chuyển nhượng chứng khoán mà không có chứng từ chứng minh Nhà Đầu Tư Nước Ngoài chuyển nhượng chứng khoán đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì Công Ty Vốn Đầu Tư Nước Ngoài có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho Nhà Đầu Tư Nước Ngoài này.

## 07. Nghĩa vụ của Công Ty Vốn Nước Ngoài khi chuyển nhượng bất động sản

Khi có phát sinh chuyển nhượng bất động sản, Công Ty Vốn Nước Ngoài phải thực hiện kê khai và nộp thuế TNDN theo từng lần phát sinh (trường hợp Công Ty không có chức năng kinh doanh bất động sản) . Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 10 (mười), kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế . Thuế TNDN được tính như sau:

**Thuế TNDN phải nộp = (Doanh thu thu được từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản - Giá vốn của bất động sản - Chi phí chuyển nhượng - Các khoản lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của các năm trước (nếu có) x Thuế suất 20%**

Lưu ý: Trường hợp giá chuyển quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng, mua bán bất động sản thấp hơn giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản thì tính theo giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản.

Ngoài ra, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT . Tuy nhiên, khi thực hiện hoạt động chuyển nhượng bất động sản bao gồm cả nhà và quyền sử dụng đất thì giá đất sẽ được trừ khi tính thuế GTGT , thuế suất thuế GTGT đối với phần còn lại khi tính thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa, dịch vụ thông thường không thuộc dạng không chịu thuế, 0%, 5% . Thuế GTGT được tính như sau:

**Thuế GTGT phải nộp = (Giá chuyển nhượng bất động sản - Giá đất được trừ) x Thuế suất**

## 08. Khi chuyển nhượng Bất động sản, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân có các nghĩa vụ nộp thuế gì không?

Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân có các nghĩa vụ nộp thuế TNCN khi có thu nhập từ giao dịch chuyển nhượng bất động sản, trừ trường hợp thuộc đối tượng được miễn thuế TNCN được quy định tại Điều 3 Thông tư 111/2013/TT-BTC .

**(i) Trường hợp Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân cư trú. thuế TNCN được tính như sau:**

**Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng bất động sản từng lần x Thuế suất 2%**

Lưu ý: Trường hợp chuyển nhượng bất sản là đồng sở hữu thì nghĩa vụ thuế được xác định riêng cho từng người nộp thuế theo tỷ lệ sở hữu bất động sản. Căn cứ xác định tỷ lệ sở hữu là tài liệu hợp pháp như: thoả thuận góp vốn ban đầu, di chúc hoặc quyết định phân chia của toà án,... Trường hợp không có tài liệu hợp pháp thì nghĩa vụ thuế của từng người nộp thuế được xác định theo tỷ lệ bình quân.

**(ii) Trường hợp Nhà Đầu Tư Nước Ngoài là cá nhân không cư trú. thuế TNCN được tính như sau:**

**Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng bất động sản (không trừ bất kỳ khoản chi phí nào)x Thuế suất 2%**

Thời hạn kê khai thuế TNCN:

- Nếu hợp đồng chuyển nhượng không có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 10 (mười) kể từ thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.
- Nếu hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là thời điểm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản. Trường hợp cá nhân nhận chuyển nhượng nhà, công trình xây dựng tương lai là thời điểm cá nhân nộp hồ sơ khai thuế với cơ quan thuế.

A construction worker wearing a yellow hard hat, a high-visibility vest, and blue jeans is working on a wooden frame structure. The worker is positioned on a horizontal beam, leaning forward. The background is a clear blue sky with some light clouds. The entire scene is framed by a dark, irregular shape that looks like a shadow or a cutout.

0410

**LAO ĐỘNG**

### 01. Các quy định về lao động mà Công Ty Vốn Nước Ngoài cần đáp ứng là gì?

Công Ty Vốn Nước Ngoài cần lưu ý và thực hiện đúng các quy định pháp luật về lao động như dưới đây:

Thứ nhất, các quy định chung về lao động tại Việt Nam, Công Ty cần xác định sử dụng người lao động đủ độ tuổi theo quy định pháp luật. Thực hiện đúng các quy định về thủ tục tuyển dụng, thời hạn và mức lương thử việc, giao kết hợp đồng lao động. Các quy định về trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động cũng là một điểm quan trọng Công Ty cần nghiêm túc thực hiện đúng, đặc biệt là các trường hợp phát sinh quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công Ty và trình tự thủ tục đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Ngoài ra, quy định về bảo hiểm xã hội, mức lương tối thiểu và chế độ làm việc, nghỉ ngơi của người lao động cũng được pháp luật quy định rõ, Công Ty cần kiểm tra và thực hiện đúng theo quy định.

Thứ hai, đối với việc sử dụng người lao động nước ngoài nói riêng, Công Ty Vốn Nước Ngoài cần tuân thủ các quy định về điều kiện tuyển dụng Người Lao Động Nước Ngoài làm việc tại Việt Nam, các thủ tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải trình việc sử dụng lao động nước ngoài và cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Công Ty. Nếu Công Ty sử dụng lao động nước ngoài không đúng theo quy định pháp luật sẽ bị xử lý đối với hành vi vi phạm.

### 02. Điều kiện để Người Nước Ngoài làm việc tại Việt Nam?

Người Nước Ngoài muốn vào làm việc tại Việt Nam cần đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có trình độ chuyên môn, tay nghề và sức khỏe phù hợp với yêu cầu công việc;
- Không phải là người phạm tội hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài;
- Có Giấy Phép Lao Động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ các trường hợp được miễn giấy phép lao động theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Người Lao Động Nước Ngoài làm việc tại Việt Nam phải tuân theo pháp luật lao động Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác và được pháp luật Việt Nam bảo vệ.



### 03. Công Ty Vốn Nước Ngoài muốn tuyển dụng Người Lao Động Nước Ngoài thì cần thực hiện những thủ tục gì?

Công Ty Vốn Nước Ngoài được quyền tuyển dụng Người Lao Động Nước Ngoài vào làm công việc quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Để được tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc, Công Ty Vốn Nước Ngoài phải thực hiện thủ tục giải trình nhu cầu sử dụng lao động trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng Người Lao Động Nước Ngoài và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi có chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty Vốn Nước Ngoài thực hiện thủ tục cấp mới Giấy phép lao động hoặc thủ tục miễn Giấy phép lao động cho Người Lao Động Nước Ngoài tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cuối cùng, sau khi có Giấy phép lao động hoặc quyết định miễn Giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài, Công Ty Vốn Nước Ngoài và Người Lao Động Nước Ngoài thực hiện giao kết Hợp đồng lao động và nộp Hợp đồng này đến cơ quan cấp Giấy phép lao động để quản lý.

### 04. Việc ký kết Hợp đồng lao động thực hiện như thế nào?

Khi sử dụng lao động, Công Ty cần tuân thủ các quy định pháp luật về giao kết hợp đồng lao động với Người Lao Động.

Công Ty có thể giao kết hợp đồng thử việc với Người Lao Động trước khi giao kết hợp đồng lao động nhưng phải tuân thủ quy định pháp luật về hợp đồng thử việc về thời hạn, lương....

Trước tiên, việc giao kết hợp đồng lao động phải được dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực, tự do nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội. Tiếp theo, các bên thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin một cách trung thực để giao kết hợp đồng, doanh nghiệp cung cấp thông tin về công việc, địa điểm và điều kiện làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn, vệ sinh lao động, tiền lương, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ... người lao động cung cấp thông tin về nhân thân, trình độ học vấn, sức khỏe,...

Sau đó, các bên lựa chọn hình thức hợp đồng, loại hợp đồng lao động và tiến hành giao kết với nội dung hợp đồng không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

Cuối cùng, thẩm quyền giao kết hợp đồng cũng là các điểm quan trọng cần lưu ý thực hiện để hợp đồng lao động có hiệu lực, Công Ty có thể giao kết hợp đồng lao động bởi người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật.

### **05. Sau khi chấm dứt hợp đồng với người lao động, Công Ty cần thực hiện những thủ tục gì?**

Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài, Công Ty cần:

**Thứ nhất**, thanh toán đầy đủ tiền lương, trợ cấp (nếu có) theo quy định pháp luật hoặc thỏa thuận trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng hoặc thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

**Thứ hai**, hoàn thành thủ tục xác nhận và trả sổ bảo hiểm xã hội và các giấy tờ khác liên quan cho người lao động.

### **06. Công Ty có phải thành lập công đoàn không và phải nộp quỹ công đoàn như thế nào?**

Theo quy định pháp luật, công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện. Do đó, Công Ty không bắt buộc phải thành lập công đoàn cơ sở.

Tuy nhiên, Công Ty là đối tượng phải nộp kinh phí công đoàn theo quy định pháp luật, không phân biệt Công Ty đã có hay chưa có tổ chức công đoàn cơ sở. Mức đóng kinh phí công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Công Ty thực hiện đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

## 07. Sa thải NLD có khó khăn không? Nếu sa thải sai thì sẽ phải chịu trách nhiệm gì?

Để sa thải Người lao động, Công Ty cần có đủ các yếu tố, điều kiện sau:

- (i) Công Ty cần phải có Nội quy lao động có hiệu lực pháp luật có quy định rõ các hành vi vi phạm sẽ chịu hình thức kỷ luật sa thải;
- (ii) Người lao động vi phạm một trong các hành vi được áp dụng hình thức kỷ luật sa thải theo quy định pháp luật và Nội quy lao động của Công Ty, và Công Ty có trách nhiệm phải chứng minh được lỗi của người lao động đã vi phạm;
- (iii) Việc xử lý kỷ luật lao động phải tuân theo nguyên tắc và trình tự của pháp luật:
  - Công Ty chứng minh được lỗi của người lao động và tiến hành thông báo họp xử lý kỷ luật sa thải người lao động trong thời hiệu xử lý kỷ luật.
  - Việc xử lý kỷ luật sa thải phải có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động, người lao động và cha, mẹ, hoặc người đại diện theo pháp luật nếu người lao động dưới 18 tuổi, trường hợp một trong các thành phần này không dự họp phải nêu rõ lý do.
  - Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động phải được thông báo trước đến các thành phần dự họp, và lập thành biên bản.
  - Quyết định xử lý kỷ luật sa thải phải được ban hành bởi người có thẩm quyền của Công Ty, trong thời hạn của thời hiệu xử lý kỷ luật lao động hoặc thời hạn kéo dài thời hiệu xử lý kỷ luật lao động và phải được gửi đến người lao động, cha, mẹ hoặc người đại diện theo pháp luật của người dưới 18 tuổi và tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

Trong trường hợp Công Ty thực hiện sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trái quy định pháp luật thì có trách nhiệm:

- (i) Nhận lại người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động;
- (ii) Trường hợp người lao động không muốn tiếp tục làm việc, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại điểm (i) thì Công Ty phải trả trợ cấp thôi việc theo quy định pháp luật;
- (iii) Trường hợp Công Ty không muốn nhận lại người lao động và người lao động đồng ý, thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại điểm (i) và trợ cấp thôi việc, hai bên thỏa thuận khoản tiền bồi thường thêm nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động để chấm dứt hợp đồng lao động;
- (iv) Trường hợp không còn vị trí, công việc đã giao kết trong hợp đồng lao động mà người lao động vẫn muốn làm việc thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại điểm (i), hai bên thương lượng để sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động.

Trên đây là các câu hỏi Apolat Legal thường giải đáp cho Khách Hàng để giải quyết những khúc mắc trong quá trình tìm hiểu đầu tư vào Việt Nam, Nhà Đầu Tư Nước Ngoài có thể tham khảo khi gặp những trường hợp tương tự trên. Tuy nhiên, với mỗi trường hợp cụ thể, sẽ có những giải pháp áp dụng mang tính phù hợp và đem lại hiệu quả cao nhất, Apolat Legal khuyến nghị Nhà Đầu Tư Nước Ngoài tham vấn ý kiến luật sư trong các trường hợp cụ thể để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

## 08. Bảo hiểm xã hội phải đóng cho Người Lao Động như thế nào?

Công Ty sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc cho Người Lao Động theo quy định pháp luật với tỷ lệ đóng như sau:

### - Đối với Người Lao Động Việt Nam:

Các khoản Bảo hiểm trích theo lương	BHXH	BHYT	BHTN	Tổng cộng
Trích vào Chi phí của Công Ty	17.5%	3%	1%	21.5%
Trích vào lương của NLĐ	8%	1.5%	1%	10.5%
<b>Tổng</b>	<b>22.5%</b>	<b>4.5%</b>	<b>2%</b>	<b>32%</b>

### - Đối với Người Lao Động Nước Ngoài:

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Tỷ lệ đóng BHXH, BHYT				
	BHXH			BHYT	Tổng
	Quỹ hưu trí - tử tuất	Quỹ ốm đau - thai sản	Quỹ TN-LĐ-BNN		
Trích vào Chi phí của Công Ty	14%	3%	0.5%	3%	<b>20.5%</b>
Trích vào lương của NLĐ	8%	-	-	1.5%	<b>9.5%</b>
<b>Tổng</b>					<b>30.5%</b>



## **CÔNG TY LUẬT APOLAT LEGAL**

**M: (+84-28) 3899 8683**

**E: [info@apolatlegal.com](mailto:info@apolatlegal.com)**